

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

**TOÀN CẢNH CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO
TRUNG QUỐC THẾ KỈ XX**

KIỀU THỊ VÂN ANH^(*)

Thế kỉ XX có thể coi là thế kỉ có nhiều biến động lớn nhất của Trung Quốc. Về mặt chính trị, Trung Quốc chuyển từ xã hội phong kiến sang xã hội chủ nghĩa. Về mặt kinh tế, Trung Quốc bước qua sự trì trệ của một đất nước bị đô hộ để đi lên nền kinh tế thị trường. Trong một thời kì lịch sử với nhiều thăng trầm, Phật giáo lên xuống cùng với đất nước. Đồng thời, cũng chính trong thời đại nhiều biến đổi ấy, tinh thần phổ độ chúng sinh, từ bi cứu thế của Phật giáo càng phát triển mạnh mẽ dưới nhiều hình thái khác nhau.

1. Bối cảnh lịch sử

Năm 1840, cùng với Chiến tranh Nha phiến, văn hóa Phương Tây được du nhập vào Trung Quốc trên mọi phương diện, cả tinh thần và vật chất. Trong bối cảnh đó, tư tưởng Nho giáo của Trung Quốc phải chịu không ít đả kích. Giới học thuật của Châu Âu thời kì này cũng chú trọng nghiên cứu Phật giáo nên Phật giáo trở thành cầu nối văn hóa Đông Tây. Việc này mở ra một hướng phát triển mới cho Phật giáo và tạo dựng cục diện chấn hưng Phật giáo. Hoàn cảnh đó đã dẫn tới Thiên tông phải đổi mới để thích ứng với nhu cầu phát triển của thời đại, Phật giáo Cổ đại phải chuyển biến theo hướng hiện đại. Phật giáo Cổ đại

của Trung Quốc có đặc điểm cơ bản là Phật giáo cung đình. “Phật giáo Trung Quốc mang màu sắc học thuật rất sâu đậm. Đó không chỉ là đối tượng của lòng tin mà còn là đối tượng nghiên cứu khoa học. Chùa chiền mang màu sắc kiến trúc cung đình. Nhà sư mang tính chất triết gia⁽¹⁾”. Các đại sư Thiên tông khi đi truyền bá Thiên tông phải học tập cơ sở tất yếu các tông phái khác của Phật giáo. Họ cần tu tập, tích cực tham gia các hoạt động xã hội để tìm chân lí cứu nước, cứu dân, dồn sức mở rộng học viện Phật giáo, mở rộng các tổ chức Phật giáo, đồng tâm hiệp lực tham gia các hoạt động từ thiện... Trong đó Kí Thiên, Thái Hư, Ấn Thuận là ba đại diện kiệt xuất cho việc tạo dựng lí luận và tinh thần, ba chân vạc vững chắc đối với quá trình cải cách Phật giáo Trung Quốc.

Đầu thế kỉ XX, những trí thức cách mạng Trung Quốc đã muốn dùng Phật giáo hoặc Nho giáo để dè bẹp Kitô giáo, nhưng do chịu sức ép của văn hóa Phương Tây và xu thế đang đi xuống của đất nước, nên cuối cùng đã tạo thành mối quan hệ dung hòa giữa các tôn giáo là Phật giáo, Kitô giáo, Đạo giáo và Nho

*. TS., Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

1. Nguyễn Duy Hinh, *Một số bài viết về tôn giáo học*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 254.

giáo. Đến thời kì Cách mạng Tân Hợi, Phật giáo và Kitô giáo cùng tư tưởng cứu thế với cách mạng, nên có sự tương hỗ và phát triển. Sự phục hưng Phật giáo là một phần lực lượng tư tưởng cách mạng của giai cấp tư sản cận đại. Bắt đầu từ thời Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng thì Phật học của Phật giáo Đại thừa là nguồn tư tưởng của giai cấp tư sản. Trong thời kì cách mạng, Chương Thái Viêm đã lấy tư tưởng Phật giáo để thúc đẩy cách mạng. Ông cho rằng cách mạng cần dùng tôn giáo để tạo dựng lòng tin và nâng cao đạo đức của nhân dân. Căn cứ theo giáo lí của nhà Phật “Tự quý kì tâm, bất y tha lực” (lấy tâm của mình làm quan trọng, không cần dựa vào lực lượng khác), đưa ra “Y tự bất y tha” (dựa vào mình chứ không dựa vào người khác) để nhấn mạnh cần phải độc lập về tinh thần; lấy giáo lí “đầu mục não tủy giai khả bố thí” (có thể bố thí cả thân thể mình) trong Lục độ của Phật giáo Đại thừa để kích thích tinh thần hi sinh bản thân mình của các chiến sĩ cách mạng. Trong Cách mạng Tân Hợi, rất nhiều tăng lữ đã tham gia ủng hộ cách mạng, thậm chí có người đã tham gia quân đội đi chiến đấu. Nếu nhìn ở một góc độ khác thì việc ứng dụng Phật học này thực chất chỉ là đem Phật học ra để nhấn mạnh cần làm việc nghĩa cứu đời chứ không hề đề cập đến việc sinh diệt hay thế giới quan trong Phật giáo. Nói một cách khác, đây là cách lí giải mới về tinh thần Phật học và dùng nó vào việc giải quyết vấn đề thời đại. Từ cơ sở đó, một xu hướng phát triển Phật giáo mới ra đời, đó là “Phật giáo nhân gian” với nhân vật tiêu biểu là Thái Hư.

2. Thời kì Dân Quốc

Trong thời kì Dân quốc, đối với việc

tham gia chính trị, nội bộ giới Phật giáo Trung Quốc có thái độ không đồng nhất. Những người có xu hướng cải cách Phật giáo thì chủ trương tham gia chính trị, đã xuất hiện cách gọi “hòa thượng chính trị” mà người đại diện chính là Thái Hư. Thái độ của Thái Hư đối với chính trị là “Vấn chính nhi bất can trị” (quan tâm chính trị nhưng không can thiệp cụ thể vào việc quản lí chính trị). Còn phái thủ cựu trong giới Phật giáo, đặc biệt là bộ phận cư sĩ, kịch liệt phản đối người trong giới tham gia chính trị. Âu Dương Tiềm cho rằng, người xuất gia nên chuyên tâm tu tập, tránh xa bụi trần, không nên tham gia thế sự, không nên làm quan, không nên đi thi... nếu người xuất gia tham gia chính sự là vi phạm giới luật, gây trở ngại cho thế pháp. Tuy có những ý kiến trái chiều nhau như vậy, nhưng giới Phật giáo vẫn có ảnh hưởng lớn đến chính quyền Quốc Dân Nam Kinh. Phật giáo đã can thiệp và điều hòa những xung đột do các đảng phái chính trị gây nên. Quan hệ giữa chính trị và Phật giáo thời kì chính quyền Quốc Dân Nam Kinh bắt đầu gắn bó mật thiết.

2.1. Khi Tôn Trung Sơn mất, Hội Phật giáo Trung Quốc ban hành thông cáo, yêu cầu các chùa và đoàn thể Phật giáo, cùng cử hành một buổi cầu nguyện lớn cho Tôn Trung Sơn. Thông cáo ghi rõ: “Những việc làm của Tổng thống Tôn Trung Sơn thể hiện tinh thần bình đẳng bác ái, xây dựng sự nghiệp, khống chế kẻ mạnh, giúp đỡ kẻ yếu. Vì vậy, trong ngày tổ chức tang lễ của Người, các ngành, các cấp trên toàn quốc đều chọn đại biểu tham gia. Hơn nữa, trong cương lĩnh chính trị của Quốc Dân đảng, Tổng thống Tôn Trung Sơn có ghi rõ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của

nhân dân, Phật giáo mới không bị rơi vào hoàn cảnh có xung đột với văn hóa nước ngoài, luôn ổn định vững chắc. Chúng ta luôn tưởng nhớ công đức này, vĩnh viễn không bao giờ quên. Vì vậy, bản hội quyết định, các chùa trên toàn quốc trong ngày cử hành tang lễ phải tổ chức đại lễ cầu siêu. Hi vọng môn đồ Phật giáo các nơi đều đến ngôi chùa quan trọng nhất của địa phương thành tâm cầu nguyện”⁽²⁾.

Hội Phật giáo Trung Quốc biên tập phát hành một số báo đặc biệt, với nội dung “Cống hiến của Phật giáo với con người thời hiện đại” và “Quan hệ của giáo lý Phật giáo với chủ nghĩa Tam dân”⁽³⁾, để thể hiện tình cảm của Phật tử đối với Tôn Trung Sơn. Ngày 1/6/1929, Ban Thiền⁽⁴⁾ đã viết một bài văn tế trong tang lễ của Tôn Trung Sơn: “Tiên sinh là người đầu tiên xây dựng cách mạng, cứu độ chúng sinh, ơn nghĩa như cha mẹ. Đương thời tiên sinh tạo Nhân đạo đức to lớn thì kiếp này sẽ gặt Quả tốt lành, đồng bào Tây Tạng chúng tôi dưới sự lãnh đạo của tiên sinh, cùng đi con đường chính nghĩa; tiên sinh đã tạo dựng nền cộng hòa, giữ yên đất nước, giải phóng dân chúng khỏi lầm than có thể đi đến cõi cực lạc, nhân dân ca ngợi công đức, tiên sinh là người số một trên thế giới từ xưa tới nay”⁽⁵⁾. Ban Thiền đánh giá rất cao Tôn Trung Sơn, coi Tôn Trung Sơn là “kim cổ thế giới đệ nhất nhân” (người số một trên thế giới từ xưa tới nay). Tuy cách nói trong văn viết thường có chút cường điệu hóa nhưng từ đó cũng có thể thấy vị trí của Tôn Trung Sơn trong lòng Phật tử.

Sinh thời, Tôn Trung Sơn đã đánh giá hợp lý chức năng xã hội của Phật giáo. Khi xử lý các vụ việc có liên quan đến Phật giáo, ông luôn có thái độ làm việc

cẩn thận. Ông không chỉ xác lập vị trí bình đẳng của Phật giáo về mặt pháp luật, mà còn tích cực ủng hộ cách tân Phật giáo và ủng hộ thành lập các đoàn thể Phật giáo như hội Phật giáo hay hội hiệp tiến Phật giáo, tạo điều kiện có lợi cho sự tồn tại và phát triển của Phật giáo về sau.

2.2. Thái Hư là người có xu hướng đi cùng cách mạng. Ông đọc những tác phẩm của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Chương Thái Viêm, Đàm Tự Đồng, chủ trương “Ước nguyện to lớn là lấy Phật học cứu thế...”⁽⁶⁾. Năm 1912, Chính phủ Quốc Dân đóng đô ở Nam Kinh, Thái Hư từ Quảng Châu về Nam Kinh thành lập Hội Phật giáo Trung Quốc. Dân quốc năm thứ hai, hợp nhất giáo hội để Hòa thượng Kí Thiên làm Hội trưởng Tổng hội Phật giáo Trung Hoa, Thái Hư được chọn đảm nhận làm Tổng Biên tập “*Nguyệt san Phật giáo*”. Không lâu sau,

2. “Hội Phật giáo Trung Quốc thông cáo các chùa trên toàn quốc và cơ quan Phật giáo”, “Thẩm báo” phát hành ngày 29 tháng 5 năm 1925.

3. Chủ nghĩa Tam dân: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc.

4. Ban Thiền Đạt Ma là danh hiệu mà Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 tặng cho thầy mình là vị trụ trì chùa Trát Thập Luân Bố trong thế kỉ XVII. Vì Đạt Lai Lạt Ma được coi là hóa thân của Quan Thế Âm nên lúc đó Ban Thiền Lạt Ma được coi là hóa thân của Phật A Di Đà. Như dòng Đạt Lai, dòng Ban Thiền cũng là một dòng tái sinh nhưng Ban Thiền Lạt Ma không có trách nhiệm lãnh đạo chính trị. Đến thế kỉ XX, Ban Thiền Đạt Ma mới nhận một số nhiệm vụ này. Ban Thiền Đạt Ma giữ chức cao thứ hai trong trường phái Cách Lô, sau Đạt Lai Lạt Ma. Dòng tái sinh Ban Thiền Lạt Ma giữ nhiệm vụ đi tìm hóa thân mới của Đạt Lai Lạt Ma và ngược lại. Việc đi tìm hóa thân của Ban Thiền Lạt Ma hay nói chung là việc đi tìm bất cứ hóa thân nào, luôn luôn là một nghi lễ tôn giáo và Đạt Lai Lạt Ma là người lựa chọn quyết định.

5. Văn tế được biên soạn do Ban Thiền đời thứ chín dành cho tang lễ Tôn Trung Sơn tiên sinh, Tập tin Dân Quốc, 1990, kì số 2, tr. 20.

6. *Ấn Thuận, Thái Hư đại sư niên phổ*, Nxb. Văn hóa tôn giáo Bắc Kinh, 1995, tr. 10.

Hòa thượng Kí Thiên qua đời, Thái Hư đưa ra khẩu hiệu “tam đại cách mạng” của Phật giáo là “giáo lí cách mạng, giáo chế cách mạng, giáo sản cách mạng”. Thái Hư soạn thảo văn bản hướng dẫn “Vận động phục hưng Phật giáo” và cải cách chế độ tăng đoàn cũ. Việc “Phật giáo cách mạng” của Thái Hư bị phái thủ cựu phản đối, bắt ông phải từ chức Tổng Biên tập của nguyệt san và nhốt vào núi Phổ Đà để tu tập Phật học. Trong hai năm bị nhốt, Thái Hư nghiên cứu rất nhiều Kinh luận Phật học, nghiên cứu cả triết học Đông, Tây nên ông rất tinh thông đạo pháp. Dân quốc năm thứ năm (1916), sau khi được trả tự do, Thái Hư đi Đài Loan, Nhật Bản để khảo sát Phật giáo và giảng bài.

Dân quốc năm thứ bảy (1918), Thái Hư trở về nước, cùng với các danh sĩ nổi tiếng như Trần Nguyên Bạch, Chương Thái Viêm, Vương Nhất Đình cùng xây dựng “Giác xã” tại Thượng Hải, làm chủ biên quyển sách “Giác xã tùng thư”. Sau đó đổi “Giác xã tùng thư” thành nguyệt san “Hải Triều Âm”. Nguyệt san này đã tồn tại hơn ba mươi năm, trở thành nguyệt san Phật giáo có sức ảnh hưởng rộng lớn nhất Trung Quốc. Thái Hư phát động thành lập Hội Liên hợp Phật giáo thế giới, và được bầu làm hội trưởng nhiệm kì đầu. Thái Hư đích thân giảng dạy và chỉnh đốn đội ngũ tăng ni, đào tạo được một số danh tăng có đức có tài.

Dân quốc năm hai mươi sáu (1937), vì sự nghiệp kháng Nhật cứu nước mà Thái Hư đi rất nhiều nơi, kêu gọi tín đồ Phật tử toàn quốc cùng đứng lên chống quân Nhật. Phát hành “Điện cáo Nhật Bản Phật giáo đồ thư”, yêu cầu tín đồ Phật tử Nhật Bản lấy tinh thần “hòa bình chỉ sát” (lấy hòa bình ngăn chặn việc tàn sát) của

Phật giáo để ngăn chặn cuộc chiến tranh xâm lược của Chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản. Tuyên truyền tới mọi tín đồ Phật tử toàn quốc về luận thuyết “Phật giáo và cứu nước”, động viên tổ chức “Đoàn thanh niên Phật giáo cứu quốc”, tích cực tham gia các hoạt động cứu hộ, tuyên truyền và biểu tình. ảnh hưởng tới các hoạt động chống Nhật yêu nước như “Hàng không cứu quốc” và “Bạn của thương binh”, quyên góp nhiều tiền để ủng hộ tiền tuyến. Năm Dân Quốc thứ hai mươi tám (1939), thành lập được tổ chức Phật giáo có tên “Đoàn phông văn quốc tế” để tuyên truyền đến rất nhiều quốc gia về phong trào chống Nhật như Myanmar, Ấn Độ, Sri Lanka... kêu gọi sự chi viện ở mọi nơi trên thế giới về việc cứu nước chống Nhật trong các tổ chức cộng đồng Hoa kiều hoặc đoàn thể Phật giáo trên toàn thế giới. Năm Dân Quốc thứ ba mươi hai (1943), cùng với những tướng lĩnh nổi tiếng như Vu Bân, Phùng Ngọc Tường, Bạch Sùng Hi và những nhân vật quan trọng trong giới tôn giáo, tổ chức hiệp hội tín đồ tôn giáo Trung Quốc, kêu gọi tất cả các đoàn thể tôn giáo và các tổ chức tín đồ tôn giáo Trung Quốc cùng nhau đoàn kết lại, một lòng chống Nhật. Thái Hư tích cực tham gia các hoạt động chống Nhật cứu nước nên sau thắng lợi năm 1946, Chính phủ Quốc dân đã trao tặng cho ông Huy chương Chiến thắng Lành tụ tôn giáo.

Thái Hư đã trở thành một vị cao tăng mẫu mực hàng đầu của Trung Quốc trong việc hoàng pháp và yêu nước. Ông là người có công trong sự nghiệp yêu nước của dân tộc và góp sức to lớn đối với việc bồi dưỡng giáo dục tăng ni, chỉnh đốn hoạt động của giáo hội.

3.2. Giới Phật giáo Trung Quốc chú ý đến sự phân tranh chính trị trong nội bộ Đảng Quốc dân, đối với chính phủ mới được thành lập, giới Phật giáo đã đưa ra ba kiến nghị:

+ Cần xây dựng một chính phủ vững mạnh. Giới Phật giáo chỉ ra: “Chính quyền Trung Quốc vì nội chiến kéo dài nên đã trở thành một chính phủ yếu kém, có nhiều lỗ hổng và sai sót, cho nên quân xâm lược nước ngoài đã nhân cơ hội này mà đánh phá, tạo nên cục diện bế tắc khó cứu chữa như hiện nay. Lần này để chống lại quân ngoại xâm mà tổ chức lại chính phủ, thì căn bản phải làm sao cho nó vững mạnh, mới có thể có sức mạnh đánh bại kẻ thù”⁽⁷⁾.

+ Cần xác lập chính trị dân chủ. Giới Phật giáo cho rằng, chính phủ mới phải “Lấy ‘chính trị dân chủ’ làm hình tượng, nhưng cần thực hành tính dân chủ của chính phủ, mọi người dân đều có quyền lợi, chính quyền cần hoàn toàn đảm bảo quyền lợi đó cho người dân. Nói một cách khác là khi người dân còn chưa phạm pháp thì tất cả quyền lợi và sự tự do của họ cần phải được chính phủ đảm bảo bằng cách xây dựng pháp luật tương quan. Đồng thời, công nhân viên của chính phủ phải tuân thủ pháp luật, không thể có những hành động làm trái với pháp luật, khiến cho chính trị dân chủ bị dao động, làm chính trị dân chủ không thể đứng vững”⁽⁸⁾.

+ Cần nhanh chóng thiết lập chính sách đối với Nhật Bản. Giới Phật giáo đưa ra ý kiến: “Tất cả các chính sách đối với Nhật Bản, nên công bố với dân chúng, một mặt tránh việc hiểu lầm của dân chúng đối với chính phủ, mặt khác cũng tạo cơ hội để dân chúng đóng góp sức lực

với chính phủ, từ đó chính phủ cũng có chính sách quyết định”⁽⁹⁾.

Ba kiến nghị trên đây đã trở thành những vấn đề ngoại giao và nội chính mấu chốt của chính phủ Quốc Dân Nam Kinh lúc bấy giờ, và cũng là thái độ chính trị của giới Phật giáo đối với việc đấu tranh chính trị vào thời điểm ấy.

Mùa xuân năm 1934, Tưởng Giới Thạch liên tục phát động quân sự tiêu diệt Hồng quân công nông Trung Quốc, tìm mọi cách tiêu diệt văn hóa tại những nơi Quốc Dân đảng chiếm đóng. Tại Nam Xương, phát động nhiều phong trào sửa đổi đạo đức hoặc thay đổi xã hội... Tất cả những điều đó bắt đầu từ việc thay đổi cuộc sống thường ngày của người dân, đều gọi là Vận động cuộc sống mới⁽¹⁰⁾. Tưởng Giới Thạch khi phát biểu về ý nghĩa quan trọng của Vận động cuộc sống mới, đã chỉ ra rằng: Cuộc vận động này, nằm trong công cuộc phục hưng đạo đức dân tộc, cuộc sống của nhân dân chúng ta phải hướng tới hạnh phúc, lấy lễ nghĩa, đạo nghĩa trong sách và biết xấu hổ làm tinh thần cơ bản; lấy quân sự hóa, sinh sản hóa và nghệ thuật hóa làm mục tiêu quan trọng để khuyến khích người Trung Quốc; dựa vào tinh thần di ra từ cái chết, hướng tới tương lai xây dựng một cuộc sống mới phù hợp với đạo đức, lễ nghĩa và tinh thần biết xấu hổ⁽¹¹⁾.

7,8,9. *Phật giáo hiện đại*, Quyển thứ 5, kì 2, tháng 2 năm 1932, tr. 110-111.

10. “Vận động cuộc sống mới” còn gọi tắt là “Tân vận”, chỉ cuộc vận động giáo dục quốc dân do chính phủ Trung Hoa Dân Quốc đưa ra, kéo dài từ năm 1934 đến năm 1949.

11. Tân Hiếu Nghĩa tổng biên soạn: “Tổng thống Tưởng công đại sự trường biên sơ khảo”, quyển thứ 3, lưu hành nội bộ năm 1978, tr. 16.

Ngày 5/4/1934, *Hội thúc đẩy Vận động cuộc sống mới* của tín đồ Phật giáo toàn quốc đã phát biểu, kêu gọi tín đồ Phật giáo toàn quốc có trách nhiệm với Vận động cuộc sống mới. Mục đích thành lập *Hội thúc đẩy Vận động cuộc sống mới* là để đoàn kết tín đồ Phật giáo của cả nước. Hội có tôn chỉ: “Căn cứ Vận động cuộc sống mới và nguyên lý của Phật giáo, đoàn kết các tín đồ Phật giáo toàn quốc, thực thi công tác của Vận động cuộc sống mới. Hội viên cần phải thực hiện bốn quy ước: “tiết kiệm, siêng năng, thành thực, chí công vô tư”⁽¹²⁾.

Ngày 14/5/1936, chính phủ Quốc Dân công bố “Luật tổ chức đại hội Quốc Dân” và “Luật tuyển cử đại biểu đại hội Quốc Dân”, Thái Hư chủ trương tăng ni tham gia tuyển cử. Ông cho rằng, theo quy định của luật tuyển cử, không có hạn chế về sự khác biệt tôn giáo, tăng ni cũng là một phần tử của nhân dân cả nước, không thể bỏ qua quyền lợi và nghĩa vụ của một người dân. Nhưng sau đó chính phủ Quốc Dân khi công bố danh sách đại biểu đã cố tình loại bỏ tín đồ Phật giáo. Vì vậy, ngày 10/7/1936, năm người của Hội Phật giáo Trung Quốc là Thôi Viên Anh, Đại Bi, Hồng Minh, Quan Quýnh Chi, Triệu Phác Sơ, gửi lời thỉnh cầu đến Quốc Dân đảng. Hội Phật giáo Trung Quốc trình thư tới Ủy ban Chấp hành Trung ương Quốc Dân đảng, xin phê chuẩn tín đồ Phật giáo có thể tham gia tuyển cử đại biểu đại hội Quốc Dân. Sau lần đó, yêu cầu của Hội Phật giáo Trung Quốc mới được chấp nhận.

3. Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa⁽¹³⁾ được thành lập

Những năm 30 của thế kỷ XX, Phật giáo Trung Quốc có nhiều thăng trầm,

tồn tại rất nhiều vấn đề. Năm 1932, Đại Lôi đã nhận định Phật giáo Trung Quốc thời điểm đó đang đứng trước nhiều thách thức, tồn tại quá nhiều nhược điểm. Ông đưa ra một số nhược điểm của Phật giáo lúc đó là: Quản lý chùa chiền không tốt, trụ trì lộng quyền, các tông phái phủ định lẫn nhau, hoạt động học tập Phật pháp yếu kém, tồn tại những quan niệm sai lầm, lừa dối, lừa gạt, nhận đệ tử bừa bãi, kẻ tu hành không giữ được sự tôn nghiêm của mình.

Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, đặc biệt là trong mười năm Cách mạng Văn hóa, Phật giáo cũng như các tôn giáo khác, chịu nhiều sự công kích, chùa chiền bị đập phá hoặc bị chiếm dụng, những vật dụng, pháp khí bị hủy hoại, kinh sách bị thiêu đốt, tăng ni bị ép hoàn tục... Phật giáo lúc bấy giờ như một ngọn nến đứng trước gió. Nhưng sau khi cải cách mở cửa, thái độ của Đảng và Chính phủ đối với tôn giáo có sự chuyển biến tích cực. Trung ương thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo. Phật giáo có cơ hội phát triển lâu dài và bền vững, đạt được nhiều thành tựu.

Ngày 5/4/1952, Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc đã họp trụ bị tại Bắc Kinh. Sau phiên họp, hội đã phát hành “Sách về hoạt động của Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc”. Ngày 30/5 đến ngày 3/6/1953, Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc thành lập đại hội tại chùa Quảng Tế ở Bắc Kinh.

Đến năm 1991, Trung Quốc chính thức ban hành văn kiện số 6 “Tích cực hướng

12. “Điều lệ Hội thúc đẩy Vận động cuộc sống mới Phật giáo toàn quốc”, “Chính tín”, quyển thứ 3, kì thứ 25, tháng 4 năm 1934, tr. 6-8.

13. Còn gọi là Trung Quốc mới.

dẫn sự thích ứng giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội”. Văn kiện này có tác dụng quan trọng đối với Phật giáo nói riêng và tôn giáo ở Trung Quốc nói chung. Căn cứ theo thống kê “Tình trạng tự do tín ngưỡng tôn giáo của Trung Quốc” phát hành năm 1997, thì “Trung Quốc có khoảng hơn 13.000 ngôi chùa, số lượng tăng ni ước khoảng 200.000 người. Trong đó hệ Phật giáo Tạng chiếm khoảng 120.000 người, Phật sống có hơn 1.700 vị, chùa chiền có khoảng 1.600 ngôi”. Ngoài ra còn số lượng đông đảo cư sĩ tu tại gia của Trung Quốc. Phật giáo Tạng cũng ảnh hưởng ngày càng lớn tới các vùng văn hóa Hán, rất nhiều tín đồ Phật giáo trên vùng văn hóa Hán cho rằng Phật giáo Tạng càng bí ẩn, càng trong lành, càng chân thành cho nên đã đi theo các môn phái của Phật giáo Tạng. Khu vực tỉnh Thanh Hải và Tây Tạng là vùng đất mà nhiều tín đồ Phật tử người Hán hướng tới. Các vị sư của Phật giáo Tây Tạng cũng thường đi đến vùng Trung nguyên, thậm chí là vùng cao nguyên nhưng có văn hóa Hán để truyền đạo hoàng pháp. Những việc làm này vốn không phù hợp với kế ước và hiệp định giữa Phật giáo Hán và Phật giáo Tạng, hiện nay những hoạt động này tuy không được chính thức công nhận nhưng vẫn được chấp nhận. Sau sự kiện 314⁽¹⁴⁾ ở Tây Tạng, vấn đề Phật giáo Tây Tạng trở nên nhạy cảm. Chính quyền tiến hành giám sát quản lý các tự viện Phật giáo Tạng, tăng cường truyền bá chính sách đối với những nơi mà Phật giáo Hán, Phật giáo Tạng có tính khu vực, tuy nhiên không hoàn toàn cấm đoán ngăn chặn.

Phật giáo hiện đại Trung Quốc đang hòa nhập cùng với thời đại, có những

điều chỉnh và thử nghiệm mới để phù hợp hơn với xã hội. Ví dụ như chùa Long Tuyên ở Bắc Kinh do pháp sư Học Thành làm trụ trì, thường có hàng trăm tình nguyện viên, chia thành rất nhiều tổ chức đảm nhiệm các công việc khác nhau, quy mô rất lớn, tổ chức nghiêm ngặt, mỗi bộ phận đều có trách nhiệm với công việc của mình. Làm theo phương thức tuyên truyền của Kitô giáo, chùa Long Tuyên thiết lập những nhóm nhỏ, dạy và học kiến thức Phật giáo tại nội thành Bắc Kinh. Đầu năm 2011, Pháp sư Học Thành tạo blog bằng 8 thứ tiếng khác nhau, đây là một sáng tạo mới đối với giới Phật giáo. Chùa Long Tuyên ở Bắc Kinh còn kết hợp với nhiều nơi thành lập Hội từ thiện nhân ái Bắc Kinh, Hội từ thiện phục hưng đại quốc học văn hóa Bắc Kinh... phát triển Phật pháp ở các phương diện như văn hóa, giáo dục, công ích... Từ những việc làm cụ thể, xét trên mọi phương diện, có thể thấy Phật giáo hiện đại Trung Quốc vì hòa nhập với thời đại mà đã có những điều chỉnh nhất định.

Từ năm 1949 đến nay, sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, việc nghiên cứu Phật giáo Trung Quốc chủ yếu là có hình thái ý thức chủ nghĩa Mác kết hợp với Phật giáo sử học để hình thành nghiên cứu Phật giáo chủ nghĩa Mác. Trong đó có một bộ phận đã kế thừa và phát huy những thành quả nghiên cứu Phật học từ thời kỳ Dân Quốc, trở thành đại diện cho quá trình nghiên cứu Phật giáo thời kỳ xây dựng đất nước, xuất bản nhiều sách về “Lịch sử Phật giáo Trung Quốc”/.

14. Sự kiện 314 là sự kiện ngày 14 tháng 3 năm 2008, người dân Tây Tạng tại Lhasa nổi dậy đòi độc lập nhưng bị quân đội Trung Quốc đàn áp nên đã thất bại.